ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 118/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Mở rộng các công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn, thành phố ra vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn I

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 07/BC-STC ngày 07/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Mở rộng các công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn, thành phố ra vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn I.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng và xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Thời gian khởi công: tháng 10/2020; thời gian hoàn thành: tháng 8/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		**9.265.037.541**	**7.342.839.000**
1	Xây dựng	6.275.871.000	6.185.046.000
2	Thiết bị	114.730.000	113.000.000
3	Quản lý dự án	123.530.000	78.391.000
4	Tư vấn	884.014.000	880.083.000
5	Chi phí khác	97.156.000	86.319.000
6	Dự phòng	1.769.737.000	0

2. Vốn đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
	Tổng số	**9.265.037.541**	**7.342.839.000**	**7.301.921.000**	**58.741.000**	**17.823.000**
1	Vốn đầu tư công:	9.265.037.541	7.342.839.000	7.301.921.000	58.741.000	17.823.000
-	Vốn NSTW (CT mở rộng quy mô VS và NSNT dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới (WB))	9.265.037.541	6.608.555.100	6.571.728.900	58.741.000	17.823.000
-	Vối đối ứng ngân sách tỉnh		734.283.900	730.192.100		
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số:			**7.342.839.000**	

1.Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)			7.342.839.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		**7.342.839.000**	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	7.342.839.000	
-	Vốn NSTW (Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới (WB))	6.608.555.100	
-	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	734.283.900	
2	Nguồn vốn khác	0	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 17.823.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 58.741.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

1.3. Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

a) Được phép ghi tăng tài sản *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	3.328.487.000	0
2	UBND xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	4.014.352.000	0

2.2. Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn; Chủ tịch

UBND các xã: Hồ Sơn (huyện Hữu Lũng), Quảng Lạc (thành phố Lạng Sơn) và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh